

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 5 - 2025

*“V/v Tranh chấp không
công nhận quan hệ vợ
chồng”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan và bà Lê Thị Uyên Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Đức Thiện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Hoài Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Thôn H, xã L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Thôn H, xã L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa hợp nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà H và ông M là vợ chồng.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống với nhau, bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M có 02 con chung là Huỳnh Mạnh Đ, sinh ngày 23/3/2001 và Huỳnh

Thị Yến N, sinh ngày 10/8/2005. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 tại xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cho đến nay, có tổ chức tiệc cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống giữa bà H và ông M thường xảy ra mâu thuẫn do kinh tế không phát triển, vợ chồng không thể chung sống được với nhau. Ông M đồng ý theo yêu cầu của bà H, yêu cầu Tòa án không công nhận ông M và bà H là vợ chồng.

- *Về con chung*: Ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị H có 02 con chung là Huỳnh Mạnh Đ, sinh ngày 23/3/2001 và Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 10/8/2005. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ: 01 Đơn xin xác nhận tại UBND xã Tân Liên; 02 Giấy khai sinh của con (Bản sao); 02 CCCD(Bản phô tô chứng thực); 01 Xác nhận thông tin cư trú;

Bị đơn không cung cấp gì.

Tòa án thu thập chứng cứ: 01 Biên bản xác minh tại UBND xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 300.00 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định [1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M là vợ chồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn ông M đăng ký thường trú tại Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M đều thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M tại UBND xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia thì đến thời điểm hiện tại giữa bà H và ông M không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thì bà H và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông M và bà H hay cãi vã, quan điểm sống mỗi người khác nhau. Bà H và ông M đều xác định tình cảm giữa ông bà không còn và yêu cầu Tòa án không công nhận bà H và ông M là vợ chồng.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận, tuyên bố không công nhận bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M là vợ chồng theo định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông M có 02 con chung là Huỳnh Mạnh Đ, sinh ngày 23/3/2001 và Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 10/8/2005. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H và ông M đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b Điều 227; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn M là vợ chồng.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 00000296 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TADN tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THA.DS huyện Hướng Hóa;
- UBND xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Huy

